TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2026/HS-ST
Ngày 13-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đèo Văn Vĩnh.

2. Ông Vân Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Tiến Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Lò Xuân Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2026/QĐXXST-HS ngày 29/4/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phàn Láo S**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/9/1995; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Mồ Sì San, xã S, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Phàn Phủ S1, đã chết và con bà Tẩn Lở M, sinh năm 1963; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Tẩn Lở M, sinh năm 1995; Con có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án: Tại Bản án số 45/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Phàn Láo San 01 năm 08 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 12/5/2025. Hiện bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên. Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2026 đến ngày 17/01/2026 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phùng Sần T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/2/1984; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản T, xã S, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên Đ (hiện đã bị khai trừ đảng theo Quyết định số 07 ngày 06/3/2026 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã S);

Con ông Phùng Chin L, sinh năm 1959 và con bà Tẩn San M1, sinh năm 1959; Gia đình bị cáo có 04 anh, em; bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lý U M2, sinh năm 1984; Con: Có 02 con; con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2026 đến ngày 24/01/2026 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại Công an tỉnh L cho đến nay. Có mặt.

* Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Nguyễn Xuân O – Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 08/01/2026, Phàn Láo S gọi điện thoại cho Phùng Sần T để nhờ chở S từ bản M, xã P, tỉnh Lai Châu về nhà tại bản M, xã S. Khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25B1-091.67 (*mượn của Phùng Chin D, sinh năm 1975, trú tại bản Tân Séo Phìn, xã S*) đến đón S. Khi đi về đến bản S, xã D, tỉnh Lai Châu, S và T gặp một người đàn ông không rõ lai lịch. Người đàn ông nói thuê S và T vận chuyển hàng cấm (pháo nổ) từ Trung Quốc về Việt Nam, với giá 500.000 đồng/người; S và T đồng ý. Sau đó, người đàn ông điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21C1-189.76 đi trước dẫn đường, T điều khiển xe mô tô chở S đi theo sau.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/01/2026, khi đi đến khu vực mốc 67(2) + 5.500m thuộc bản M, xã P, người đàn ông dừng xe bảo S và T đứng đợi, còn người đàn ông đi bộ xem trước đường đi. Khoảng 10 phút sau, người đàn ông quay lại; S,

T và người đàn ông thỏa thuận để T đứng cảnh giới, S và người đàn ông đi lấy pháo nổ. Người đàn ông dẫn S đi bộ theo đường mòn đến bờ suối biên giới, đến nơi San cởi quần dài rồi dùng điện thoại chiếu sáng lội qua suối biên giới sang Trung Quốc, người đàn ông cũng đi cùng S. Lúc này, T đang ở trên đường bê tông dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21C1-189.76 của người đàn ông đi xuống gần khu vực suối biên giới để thuận tiện cho việc vận chuyển, sau đó T quay lại đường tiếp tục đứng cảnh giới. Đối với S, khi đi sang đến hàng rào biên giới Trung Quốc thì người đàn ông bảo: Hàng (tức pháo nổ) đây rồi; S và người đàn ông mỗi người vác 01 bao tải đựng pháo nổ lội qua suối biên giới về Việt Nam. Khi đi đến vị trí xe mô tô biển kiểm soát 21C1-189.76 (do Tâu dựng trước đó), S để bao tải đựng pháo nổ lên giá để đồ phía trước rồi ngồi lên xe, người đàn ông ôm bao tải đựng pháo nổ còn lại ngồi sau. S điều khiển xe mô tô chở 02 bao tải cùng người đàn ông đi hướng về cửa khẩu M3 thuộc xã M theo chỉ dẫn của người đàn ông. Khi S và người đàn ông đi qua chỗ Tâu đứng, T nhìn nhưng không đi cùng mà đứng đợi để nhận tiền công. Hồi 20 giờ 30 phút ngày 08/01/2026, khi Phàn Láo S đang vận chuyển pháo nổ trên đường tuần tra biên giới thuộc mốc 67(2), bản M, xã P, tỉnh Lai Châu thì bị Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L phát hiện, bắt quả tang, thu giữ của S 02 bao tải đựng pháo nổ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, 01 quần đùi và 01 xe mô tô biển kiểm soát 21C1-189.76. Người đàn ông đi cùng S lợi dụng đêm tối nhảy xuống xe bỏ chạy thoát, lực lượng Công an không bắt giữ được.

Đối với Phùng Sần T, do đợi một lúc lâu không thấy Phàn L1 San quay lại nên đi về nhà ngủ. Sau khi biết tin S bị bắt quả tang, ngày 15/01/2026 T đến cơ quan Công an đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo.

Tại bản Kết luận giám định số 201 ngày 15/01/2026 của V - Bộ C kết luận: Tất cả mẫu vật gửi giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), tổng khối lượng là 15,53 kg và đều không phải là pháo do Bộ Q sản xuất.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSLCU-KV3 ngày 08/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu đã truy tố các bị cáo Phàn Láo S và Phùng Sần T về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về bản kết luận điều tra và bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm k khoản 2 Điều 191; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phàn Láo S, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phùng Sần T đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phàn Láo S mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, xử phạt bị cáo Phùng Sần T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cùng về tội "Vận chuyển hàng cấm"; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo thu giữ của bị cáo S, tịch thu tiêu hủy 02 bao tải màu vàng, 02 túi nilon màu đen và 01 thùng cát tông màu đỏ. Trả lại cho bị cáo Phùng Sần T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo. Trả lại cho bị cáo Phàn Láo S 01 quần đùi.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 21C1-189.76 là phương tiện dùng vào việc phạm tội nhưng chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên cần tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự; giao cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục quản lý, bảo quản. Hết thời hạn luật định mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì xử lý sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh, trình độ, vai trò của các bị cáo trong vụ án để xử phạt bị cáo với mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tại lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Tối ngày 08/01/2026, tại bản M, xã P, tỉnh Lai Châu, các bị cáo Phàn Láo S và Phùng Sần T đã cùng nhau thực hiện hành vi vận chuyển 15,53 kg pháo nổ (Là hàng cấm) từ hàng rào biên giới Trung Quốc về Việt Nam, mục đích để hưởng tiền công 500.000 đồng/người. Đến hồi 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi S đang trực tiếp vận chuyển pháo nổ trên đường tuần tra biên giới thuộc mốc 67(2), bản M, xã P thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L bắt quả tang. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức được việc pháo nổ là mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh, vận chuyển, sử dụng nhưng vì hám lời mà các bị cáo vẫn thực hiện việc vận chuyển pháo nổ từ hàng rào biên giới về Việt Nam. Khối lượng pháo nổ thu giữ nằm trong khoảng từ 06 kg đến dưới 40 kg được quy định tại Điều 191 Bộ luật Hình sự. Xét về hành vi và khối lượng pháo nổ mà các bị cáo đã cùng thực hiện vận chuyển thì đã đủ yếu tố cấu thành tội ‘Vận chuyển hàng cấm’. Do vậy, quan điểm đề nghị về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với quan điểm bào chữa của người bào chữa không mâu thuẫn với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến nhân thân, trình độ, hoàn cảnh, điều kiện, vai trò của từng bị cáo để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Phùng Sần T chưa có tiền án, tiền sự gì. Bị cáo Phàn Láo S có nhân thân xấu, cụ thể tại bản án số 45/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Phàn Láo San 01 năm 08 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 12/5/2025, đến nay chưa được xóa án tích đối với bản án trên.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra bị cáo Phùng Sần T đã tự nguyện ra đầu thú. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Phàn Láo S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự với tình tiết là: Tái phạm. Bị cáo Phùng Sần T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với các bị cáo và công tác đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều được thuê để vận chuyển pháo nổ để lấy tiền công. Bị cáo Phàn Láo S cùng người đàn ông dân tộc Dao trực tiếp sang khu vực hàng rào biên giới để vận chuyển pháo nổ về Việt Nam, bị cáo Tâu đứng ở đường bê tông để cảnh giới cho S và người đàn ông dân tộc Dao đi xuống bờ suối biên giới Việt Nam rồi lội qua suối biên giới vận chuyển pháo nổ về Việt Nam và dắt chiếc xe mô tô của người đàn ông dân tộc Dao xuống gần bờ suối biên giới để khi người đàn ông dân tộc Dao cùng S lấy được pháo nổ sẽ dùng xe mô tô để vận chuyển pháo. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng vai trò của bị cáo S nhiều hơn vai trò của bị cáo T, bị cáo S trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội còn bị cáo T có vai trò không đáng kể

trong vụ án do vậy khi quyết định hình phạt cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy bị cáo Phùng Sần T phạm tội lần đầu và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nên áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo T thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định nhưng xét thấy bị cáo nghề nghiệp tự do, thu nhập không ổn định, không có chức vụ, không có nghề nghiệp, công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 15,53 kg pháo nổ thu giữ của Phàn Láo S và Phùng Sần T, Cơ quan điều tra đã gửi toàn bộ giám định (không hoàn lại mẫu vật).

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1-091.67 (tạm giữ của Phùng Chin D). Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Ngày 10/3/2026, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô cho D là hợp pháp.

Vật chứng còn lại gồm: Đối với 01 quần đùi thu giữ của bị cáo Phàn Láo S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo thu giữ của bị cáo T đây là các vật không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại cho các bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo thu giữ của bị cáo S, xét thấy đây là vật chứng bị cáo dùng vào việc soi đèn pin lội qua suối biên giới nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 02 bao tải màu vàng, 02 túi nilon màu đen và 01 thùng cát tông màu đỏ (là công cụ bọc, đựng pháo nổ), đây là các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 21C1-189.76 hiện tại chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên cần tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, tạm giao cho cơ quan thi hành án dân sự

tiếp tục bảo quản, nếu hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo theo quy định mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì sung quỹ Nhà nước.

[7] Những vấn đề liên quan:

Đối với người đàn ông thuê Phàn Láo S, Phùng Sần T vận chuyển pháo nổ (đã bỏ chạy thoát khi bắt quả tang S), S và T không biết nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra xác minh chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21C-189.76 thu giữ khi bắt quả tang; xác định chiếc xe do Trần Văn N, sinh năm 1993, trú tại thôn Q, xã K, tỉnh Lào Cai đứng tên trên đăng ký; lấy lời khai Năm khai đã bán chiếc xe trước đó nhiều năm và không biết ai đang chiếm hữu, sử dụng chiếc xe. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ người đàn ông trên, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Phùng Chin D là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1-091.67, quá trình điều tra xác định D không biết Phùng Sần T sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện phạm tội nên D không phải đồng phạm trong vụ án.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo đều xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm k khoản 2, khoản 4 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phàn Láo S.

Áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phùng Sần Tâu .

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, các Điều 135; 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phàn Láo S và Phùng Sần T phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Phàn Láo S** 02 (Hai) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2026.

Xử phạt bị cáo **Phùng Sần T** 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2026.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Phàn Láo S 01 quần đùi. Trả lại bị cáo Phùng Sần T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, số IMEI1 861828057954655, số IMEI2 861828057954648.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, số IMEI1 861325043531572, số IMEI2 861325043531564.

Tịch thu tiêu hủy 02 bao tải màu vàng, 02 túi nilon màu đen và 01 thùng cát tông màu đỏ.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 21C1-189.76 tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự, tạm giao cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu tiếp tục bảo quản. Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu thì sung quỹ Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 09/4/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu).

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đến Tòa án nhân dân cấp trên./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan THAHS – CA tỉnh Lai Châu;
- Đảng ủy xã Si Lở Lầu;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Đoàn